

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu:

Tên gói thầu: Mua 08 xe ô tô phục vụ công tác của Văn phòng Chính phủ.

Dự toán mua sắm: Mua 08 xe ô tô phục vụ công tác của Văn phòng Chính phủ.

Chủ đầu tư: Cục Quản trị - Tài vụ, Văn phòng Chính Phủ

Địa điểm thực hiện: Trụ sở Văn phòng Chính phủ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải đạt các yêu cầu tối thiểu (hoặc tương đương) như sau:

a) Xe ô tô phục vụ công tác chức danh lãnh đạo Văn phòng Chính phủ:

| SỐ TT | HẠNG MỤC | THÔNG SỐ KỸ THUẬT |
|-------|-----------------------------|---|
| 1 | Loại xe | Sedan |
| 2 | Màu sơn | Đen |
| 3 | Năm sản xuất | 2025 |
| 4 | Tình trạng xe | Mới 100% chưa qua sử dụng |
| 5 | Loại động cơ | Xăng, có ắc quy Hybrid hoặc tương đương |
| 6 | Hộp số | Số tự động vô cấp |
| 7 | Dung tích xi lanh (cc) | Từ 2400 (cc) trở lên |
| 8 | Tiêu chuẩn khí thải | Euro 5 trở lên |
| 9 | Cụm đèn trước chiếu xa, gần | LED |
| 10 | Số chỗ ngồi | 05 chỗ ngồi |
| 11 | Camera lùi | Có |
| 12 | Hệ thống truyền động | Dẫn động cầu trước |
| 13 | Hệ thống điều hòa | Tự động, 2 vùng độc lập trở lên |
| 14 | Túi khí | Có, từ 6 túi khí trở lên |
| 15 | Hệ thống an toàn | Có cảnh báo lệch làn đường |

| | | |
|----|---|---|
| 16 | Lớp dự phòng (xe có thiết kế vị trí để lớp dự phòng) | Có, loại hợp kim như lớp chính |
| 17 | Thời gian bảo hành tối thiểu theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | 36 tháng hoặc 10.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa |

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Chính phủ (nhóm Vụ, Cục):

| SỐ TT | HẠNG MỤC | THÔNG SỐ KỸ THUẬT |
|-------|---|---|
| 1 | Loại xe | 2 cầu |
| 2 | Màu sơn | Đen |
| 3 | Năm sản xuất | 2025 |
| 4 | Tình trạng xe | Mới 100% chưa qua sử dụng |
| 5 | Loại động cơ | Xăng, phun xăng điện tử |
| 6 | Hộp số | Số tự động từ 5 cấp trở lên |
| 7 | Dung tích xi lanh (cc) | Từ 2500 trở lên |
| 8 | Tiêu chuẩn khí thải | Euro 5 trở lên |
| 9 | Cụm đèn trước chiếu xa, gần | LED |
| 10 | Số chỗ ngồi | 7 chỗ - 8 chỗ |
| 11 | Camera 360 | Có |
| 12 | Hệ thống truyền động | Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử hoặc tương đương |
| 13 | Hệ thống điều hòa | Tự động 2 vùng |
| 14 | Túi khí | Có |
| 15 | Hệ thống lái | Thủy lực biến thiên theo tốc độ hoặc tương đương |
| 16 | Loại vành lốp xe | Mâm đúc |
| 17 | Lớp dự phòng (xe có thiết kế vị trí để lớp dự phòng) | Có, như lớp chính |
| 18 | Thời gian bảo hành tối thiểu theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | 36 tháng hoặc 10.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa |

c) Xe ô tô phục vụ công tác chung cauer Văn phòng Chính phủ (Nhóm Trợ lý, Thư ký):

| SỐ TT | HẠNG MỤC | THÔNG SỐ KỸ THUẬT |
|-------|---|---|
| 1 | Loại xe | 2 cầu |
| 2 | Màu sơn | Đen |
| 3 | Năm sản xuất | 2025 |
| 4 | Tình trạng xe | Mới 100% chưa qua sử dụng |
| 5 | Loại động cơ | Xăng |
| 6 | Hộp số | Số tự động từ 6 cấp trở lên |
| 7 | Dung tích xi lanh (cc) | Từ 2400 (cc) trở lên |
| 8 | Tiêu chuẩn khí thải | Euro 5 |
| 9 | Cụm đèn trước chiếu xa, gần | LED |
| 10 | Số chỗ ngồi | 07 chỗ ngồi |
| 11 | Camera 360 | Có |
| 12 | Hệ thống truyền động | Dẫn động 4 bánh toàn thời gian |
| 13 | Hệ thống điều hòa | Tự động |
| 14 | Hỗ trợ giữ và duy trì làn đường | Có |
| 15 | Túi khí | Có, từ 6 túi khí trở lên |
| 16 | Lớp dự phòng (xe có thiết kế vị trí để lớp dự phòng) | Có, như lớp chính |
| 17 | Thời gian bảo hành tối thiểu theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | Từ 36 tháng trở lên hoặc 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa |

Lưu ý:

- Đối với các thông số kỹ thuật/ công nghệ được nhà thầu cho là ưu việt hơn thì cần phải chứng minh bằng các tài liệu của cơ quan kiểm định độc lập hoặc các dẫn chứng khoa học cụ thể từ các cơ quan kiểm định hợp pháp tại thị trường Việt Nam.

- Nhà thầu cần chào đủ các thông tin hàng hoá bao gồm: Tên thương mại, ký mã hiệu, nhà sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất. Tổ chuyên gia sẽ căn cứ theo ký mã hiệu hoặc tên thương mại để tìm kiếm thông tin hàng hoá chào thầu từ trang thông tin chính thức của nhà sản xuất. Đối với các thông tin sai lệch giữa tuyên bố của nhà thầu với thông tin từ nhà sản xuất sẽ được làm rõ. Nhà thầu phải làm rõ các thông tin khi có yêu cầu. Trong trường hợp nhà thầu không trả lời yêu cầu làm rõ, thông tin từ trang tin nhà sản xuất sẽ là cơ sở để đánh giá E-HSDT.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các văn bản có yếu tố nước ngoài, văn bản và catalô của Nhà sản xuất. Mọi gian lận về văn bản, hồ sơ, các thông số kỹ thuật của hàng hóa của Nhà thầu là căn cứ để Bên mời thầu đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong Văn phòng Chính Phủ, tạo cảnh báo trên Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia hoặc yêu cầu cơ quan chức năng chuyên diện quản lý cơ bản đối với pháp nhân.

- Hàng hóa được tư vấn hỗ trợ kỹ thuật miễn phí trong suốt thời gian sử dụng. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh khả năng huy động cơ sở bảo hành, bảo trì đáp ứng tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc của cơ quan quản lý có thẩm quyền, có khả năng cung cấp vật tư, linh kiện thay thế hàng hóa trong suốt thời gian sử dụng, tư vấn người sử dụng trong quá trình sử dụng, cử cán bộ có đủ trình độ, năng lực kỹ thuật đến nơi triển khai gói thầu nếu không hỗ trợ kỹ thuật thông qua điện thoại.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Khi cần thiết, chủ đầu tư có thể yêu cầu kiểm định độc lập về chất lượng hàng hóa. Mọi chi phí kiểm định sẽ do nhà thầu chịu.